

## **PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

### **CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

*“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:*

#### **I. Giới thiệu:**

##### **1. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu.**

###### **1.1. Mô tả khái quát về dự án:**

- Tên dự án: Đường dọc máng kênh Tây từ trạm bơm Văn Giang đến ĐH.26;
- Tên công trình: Đường dọc máng kênh Tây từ trạm bơm Văn Giang đến ĐH.26;
- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp II;
- Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Nghĩa Trụ;
- Địa điểm xây dựng: Xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên;
- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh 182.000 triệu đồng; ngân sách huyện Văn Giang đầu tư phần còn lại;

###### **1.2. Quy mô đầu tư xây lắp:**

###### **1.2.1. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật:**

Tuyến có điểm đầu giao với tuyến đường bê tông xã (đầu vào ĐT.379B) gần trạm bơm Văn Giang; điểm cuối giao với đường ĐH.26, thuộc địa phận xã Nghĩa Trụ.

- Đường giao thông đô thị. Tốc độ thiết kế  $V=50\text{km/h}$  (tại các vị trí nút giao, ngã tư kết nối với các tuyến đường huyện và qua khu dân cư đông đúc, thiết kế với vận tốc  $V=40\text{km/h}$ ).
- Tải trọng trục thiết kế 100kN. Mô đun đàn hồi yêu cầu  $E_{yc}\geq 155\text{MPa}$ .
- Kết cấu mặt đường: Mặt đường bê tông nhựa.
- Tổng chiều dài tuyến đường:  $L = 2,841\text{km}$ .
- Thiết kế hệ thống đèn chiếu sáng đồng bộ trên vỉa hè 2 bên tuyến và hệ thống thoát nước mưa, nước thải, vỉa hè theo quy hoạch.
- Thiết kế hệ thống cống ngang, dọc đường phù hợp theo quy mô cấp đường và có biên bản thống nhất với các bên có liên quan.

###### **1.2.2. Giải pháp thiết kế xây dựng công trình:**

1.2.2.1. Bình đồ tuyến thiết kế tuyến: Bình đồ tuyến được thiết kế hài hòa trên cơ sở các điểm khống chế, hạn chế giải phóng mặt bằng, đảm bảo bề rộng mặt cắt ngang và các bán kính cong phù hợp với cấp đường thiết kế. Tổng chiều dài đoạn tuyến 2,841Km.

1.2.2.2. Trắc dọc tuyến: Trên cơ sở các điểm khống chế đầu tuyến, cuối tuyến, thiết kế tuân thủ theo cao độ đường đồ được duyệt bước TKCS tại quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và tuân theo quy định hiện hành, phù hợp với cao độ quy hoạch và công trình hiện trạng, đảm bảo chiều dày kết cấu và độ êm thuận trên tuyến

Các điểm khống chế dọc tuyến:

TT	Lý trình	Cao độ	Ghi chú
1	Km0+00	7.59	Khớp nối với cao đường hiện trạng BTXM tại trạm bơm Văn Giang hiện hữu
2	Km0+278.28	7.85	Khớp nối với đường Phó Đức Chính (vị trí sát mố cầu Như Lâm)
3	Km1+283.80	7.80	Khớp nối với đường Tô Quyền (sát vị trí cầu Lại Ốc). Vị trí này khớp nối với đường Vành đai 3.5
4	Km1+509.27	7.66	Khớp nối với đường Đỗ Tông hiện hữu (sát cầu qua Kênh Tây)
5	Km2+405	6.28	Khớp nối với cao độ quy hoạch
6	Km2+841.20	5.98	Khớp nối với đường trục Đông Tây

1.2.2.3. Trắc ngang tuyến:

- Đoạn từ Km0+000,00 đến Km1+972,78, đây là đoạn tuyến có hai đường đi hai bên bờ kênh. Mặt cắt ngang đường một phía bờ kênh như sau:

- + Bề rộng mặt đường :  $B_{\text{mặt}} = 11,25\text{m};$
- + Bề rộng vỉa hè :  $B_{\text{vỉa hè}} = 3,0\text{m};$
- + Bề rộng nền đường :  $B_{\text{nền}} = 16,25\text{m}.$
- + Độ dốc ngang mặt đường :  $I_{\text{mặt}} = 2\%.$
- + Độ dốc ngang vỉa hè :  $I_{\text{vh}} = 2\%$

- Trong đó, đoạn từ Km0+685,17 – Km1+040 (bờ kênh bên phải tuyến qua Khu nhà ở Phố Mới, Khu nhà ở Hưng Thịnh Phát), Doanh nghiệp sẽ đầu tư với phần diện

tích nằm trong phạm vi ranh giới cấp đất cho doanh nghiệp (xem chi tiết trong hồ sơ TKBVTC).

- Đoạn từ Km1+972,78 đến Km2+378,63:

- + Bề rộng mặt đường :  $B_{\text{mặt}} = 2 \times 11,25\text{m} = 22,5\text{m}$ ;
- + Bề rộng vỉa hè :  $B_{\text{hè}} = 2 \times 3,0 = 6,0\text{m}$ ;
- + Bề rộng dải phân cách giữa :  $B_{\text{dpc}} = 5,5\text{m}$ ;
- + Bề rộng nền đường :  $B_{\text{nền}} = 34,0\text{m}$ .
- + Độ dốc ngang mặt đường :  $I_{\text{mặt}} = 2\%$ .
- + Độ dốc ngang vỉa hè :  $I_{\text{vh}} = 2\%$

- Đoạn từ Km2+378,63 đến Km2+841,20:

- + Bề rộng mặt đường :  $B_{\text{mặt}} = 2 \times 11,25\text{m} = 22,5\text{m}$ ;
- + Bề rộng vỉa hè :  $B_{\text{vh}} = (B_{\text{vhphải}}) 3,0\text{m} + (B_{\text{vhtrái}}) 6,0\text{m} = 9,0\text{m}$ ;
- + Bề rộng dải phân cách giữa :  $B_{\text{dpc}} = 5,5\text{m}$ ;
- + Bề rộng nền đường :  $B_{\text{nền}} = 37,0\text{m}$ .
- + Độ dốc ngang mặt đường :  $I_{\text{mặt}} = 2\%$ .
- + Độ dốc ngang vỉa hè :  $I_{\text{vh}} = 2\%$

#### 1.2.2.4. Nền đường

- Đào bóc lớp đất không thích hợp đối với các đoạn qua ruộng, vườn dày 30cm và qua ao, nương dày tối thiểu theo lớp địa chất, tôn nền đường bằng đất độ chặt  $K \geq 0,95$ , lớp 30cm dưới đáy áo đường đạt độ chặt  $K \geq 0,98$ ; rải một lớp vải địa kỹ thuật ngăn cách giữa lớp móng dưới cấp phối đá dăm và lớp cát  $K \geq 0,98$ . Đối với những đoạn đào thay cát, trước khi thay cát rải một lớp vải địa kỹ thuật ngăn cách giữa lớp nền tự nhiên với lớp cát đắp nền đường.

- Đối với những vị trí có chiều sâu tác dụng 80cm từ đáy kết cấu áo đường xuống mà là nền cũ, không có lớp đất đầm chặt  $K=0,95$  thì tiến hành lu lèn xáo xới, đầm chặt nền cũ đạt  $K=0,95$ .

- Lề đường đắp bằng đất độ chặt  $K \geq 0,95$ , đắp bao mái taluy nền đường bằng đất độ chặt  $K \geq 0,90$ ; độ dốc mái taluy nền đắp 1:1,5. Nền đắp đất đầm chặt  $K=0,95$  trong phạm vi vỉa hè.

- Xử lý nền đất yếu: Tính toán xử lý nền đất yếu áp dụng tiêu chuẩn TCCS41:2022/TCĐBVN, đảm bảo kinh tế - kỹ thuật dự án. Các giải pháp thiết kế

xử lý nền đất yếu chính như sau: đoạn đảm bảo độ lún cho phép thì không xử lý chỉ quan trắc lún, đào thay đất và xử lý bậc thấm; Bù lún dùng đất đầm chặt  $K=0,95$ ;

#### 1.2.2.5. Kết cấu áo đường (theo thứ tự từ trên xuống dưới)

- Kết cấu áo đường mới mặt đường chính và nút giao (KC1) :
  - + Bê tông nhựa chặt C16 dày 5cm;
  - + Tưới dính bám nhũ tương a xít CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m<sup>2</sup>;
  - + Bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm;
  - + Tưới thấm bám nhũ tương CSS-1, tiêu chuẩn 1,0kg/m<sup>2</sup>;
  - + Cấp phối đá dăm loại I, D<sub>max</sub>25 dày 15cm;
  - + Cấp phối đá dăm loại II, D<sub>max</sub>37,5 dày 35cm;
  - + Lớp vải địa kỹ thuật không dệt  $R_k \geq 25$  kN/m.
  - + Lớp trên nền đường bằng cát đen đầm chặt K98 dày 30cm.
- Kết cấu áo đường trên đường cũ (KC2) đoạn từ Km2+400 - Km2+841.20 (Đoạn đi trùng với đường Dương Quảng Hàm), kết quả đo Môđun đàn hồi mặt đường cũ là từ 133,7 – 159,3Mpa. Kết cấu áo đường tăng cường như sau:
  - + Bê tông nhựa chặt C16 dày 5cm;
  - + Tưới dính bám nhũ tương a xít CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m<sup>2</sup>;
  - + Bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm;
  - + Tưới thấm bám nhũ tương CSS-1, tiêu chuẩn 1,0kg/m<sup>2</sup>;
  - + Cấp phối đá dăm loại I, D<sub>max</sub>25 dày 15cm;
  - + Bù vênh Cấp phối đá dăm loại I, D<sub>max</sub>25 trên đường cũ;
  - + Nền đường cũ.
- Kết cấu áo đường trên đường cũ (KC2A), tại các vị trí tăng cường mặt đường nút giao và đường giao. Kết cấu áo đường tăng cường như sau:
  - + Bê tông nhựa chặt C16 dày 5cm;
  - + Tưới dính bám nhũ tương a xít CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m<sup>2</sup>;
  - + Bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm;
  - + Bù vênh bê tông nhựa chặt C19 trên đường cũ;
  - + Tưới dính bám nhũ tương a xít CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m<sup>2</sup>;
  - + Nền đường cũ

#### 1.2.2.6. Kết cấu vỉa hè, hố trồng cây, bó gáy vỉa hè, bó vỉa và rãnh đan

- Vỉa hè lát gạch Terazo; nền vỉa hè đắp cát đen đầm chặt K95. Độ dốc ngang vỉa hè  $i=2\%$ . Kết cấu vỉa hè như sau:

- + Gạch Terazo dày 3,0cm kích thước 40x40x3,0cm (màu xanh đen, men sần);
- + Vữa Xi măng M75 dày 2cm;
- + Bê tông xi măng M150 dày 10cm;

- Hố trồng cây: Bố trí hố trồng cây trên vỉa hè, kích thước hố 1,2x1,2m; bó hố trồng cây bằng gạch không nung VXM M75, cao độ bằng mặt vỉa hè hoàn thiện sau này khi lát gạch, lót móng bê tông M150 đá 2x4, mác 100 dày 10cm.

- Bó gáy vỉa hè: Xây tường gạch không nung VXM M75 trên lớp bê tông lót M150 đá 2x4 dày 10cm.

- Bó vỉa và rãnh tam giác: Đổ bằng BTXM M250 đá 1x2 đúc sẵn, trên lớp vữa XM M75 dày 2cm và lớp bê tông lót móng M150 dày từ (10 -15.8)cm.

- + Bó vỉa hè dạng vát kích thước: 35x23cm.
- + Rãnh tam giác kích thước: 50x30x6cm.

#### 1.2.2.7. Dải phân cách giữa

- Bó vỉa dải phân cách giữa dạng đứng bằng BTXM M250 đá 1x2 đúc sẵn, lớp vữa lót M75 dày 2cm trên lớp móng BTXM M150 đá 2x4 dày 10cm. Kích thước bó vỉa (20x47x100)cm trên đoạn thẳng và (20x47x25)cm trên đoạn cong.

- Bố trí hạ dải phân cách tại các vị trí người đi bộ qua đường rộng 3,0m, kết cấu lát gạch terrazo trên lớp vữa lót M75 dày 2cm và lớp móng BTXM M150 dày 15cm.

- Trong lòng dải phân cách đắp đất màu để trồng cây dày 26cm trên lớp đất sét ngăn cách đầm chặt K95 dày 31cm, bên dưới tôn nền đất K95.

1.2.2.8. Gờ chắn đất: Đoạn trái tuyến từ Km0+500 - Km1+120; phải tuyến từ Km1+040 – Km1+120): Các đoạn này mặt đường thấp hơn cao độ đỉnh mái kênh từ 0,3 - 0,6m, sử dụng giải pháp gờ chắn cao 30cm (kết cấu tương tự như bó vỉa dải phân cách giữa) để chắn giữ đất. Kết cấu bó vỉa dải phân cách giữa dạng đứng bằng BTXM M250 đá 1x2 đúc sẵn, lớp vữa lót M75 dày 2cm trên lớp móng BTXM M150 đá 2x4 dày 10cm; kích thước bó vỉa (20x47x100)cm

#### 1.2.2.9. Thiết kế nút giao, đường giao dân sinh:

- Tại các vị trí giao cắt với đường huyện thiết kế nút giao cùng mức phù hợp với quy mô thiết kế tuyến đường và đường giao cắt hiện trạng. Vị trí giao cắt phù hợp với QH được duyệt (nếu có).

- Các đường vượt nối ngang: Thiết kế phù hợp hiện trạng, mở rộng các bán kính rẽ kết hợp hệ thống báo hiệu đường bộ để tổ chức giao thông.

- Thống kê trên tuyến có 10 đường giao và 2 nút giao, cụ thể như sau:

<b>TT</b>	<b>Lý trình</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Hiện trạng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Đường giao dân sinh KM0+278.28	Phải tuyến	Đường BTN	Vuốt nối đường nhựa
2	Đường giao dân sinh KM0+278.28	Trái tuyến	Đường BTN	Vuốt nối đường nhựa
3	Đường giao dân sinh KM0+449.30	Trái tuyến	Đường đất	Vuốt nối đường ngang
4	Đường giao dân sinh KM1+283.80	Phải tuyến	Đường BTN	Vuốt nối đường nhựa
5	Đường giao dân sinh KM1+283.80	Trái tuyến	Đường BTN	Vuốt nối đường nhựa
6	Đường giao dân sinh KM1+509.27	Phải tuyến	Đường BTN	Vuốt nối đường nhựa
7	Đường giao dân sinh KM1+509.28	Trái tuyến	Đường BTN	Vuốt nối đường nhựa
8	Đường giao dân sinh KM2+00.00	Phải tuyến	Đường đất	Vuốt nối đường đất
9	Đường giao dân sinh KM2+00.00	Trái tuyến	Nền BTXM	Vuốt nối đường BTXM
10	Nút giao KM2+405.00	Trái tuyến	Đường BTN	Vuốt nối đường nhựa
11	Đường giao dân sinh KM2+00.00	Trái tuyến	Đường BTN	Vuốt nối đường nhựa
12	Nút giao KM2+841.20	Cuối tuyến	Đường BTN	Kết nối đường Đông Tây

#### 1.2.2.10. Hệ thống thoát nước:

- Thoát nước dọc:

+ Thoát nước mưa:

++ Xây dựng đồng bộ hệ thống cống dọc gồm cống tròn D1,0m - D1,5m và công vuông BxH=1,0x1,0m nằm dưới vỉa hè 2 bên tuyến theo quy hoạch. Hướng thoát nước tập trung tại các vị trí thu nước (hố ga cống D1,0m-D1,5m, BxH=1,0x1,0m) phân bổ dọc theo tuyến với khoảng cách trung bình 30m/1 hố và xả vào 2 hệ thống tiêu chính là sông Ngưu Giang và tuyến đường Đông - Tây tại cuối tuyến, theo hướng thoát nước quy hoạch chung được phê duyệt. Trên tuyến có các

cống ngang đường phục vụ tưới tiêu thủy lợi, thiết kế hệ thống hồ ga đầu nối giữa hệ thống công dọc đường (nước mưa, nước thải) và cống ngang đường trong đó thiết kế hệ thống công dọc đường chạy xuyên suốt qua hồ ga đầu nối, không xả nước vào các hệ thống công ngang đường, tránh ảnh hưởng đến việc tưới tiêu thủy lợi.

++ Nước mưa từ đường, vỉa hè được thu trực tiếp hai bên đường bằng hồ thu, sau đó chảy vào hồ ga thăm qua ống nhựa D315. Kết cấu hồ thu nước mặt đường bằng BTCT M250 đúc sẵn trên móng BTXM M100 dày 10cm, nắp song chắn rác bằng composite với tải trọng 12,5 tấn cho kết cấu trên vỉa hè và tải trọng 40 tấn cho kết cấu dưới lòng đường;

++ Kết cấu cống tròn BTCT D1000-D1500 tải trọng B (cống nằm trên vỉa hè) và tải trọng C (cống nằm dưới lòng đường) đặt trên đế cống BTCT mua sẵn;

++ Kết cấu cống hộp BXH=1,0x1,0m tải trọng B (cống nằm trên vỉa hè) đặt trên lớp BTXM M100 dày 10cm; đệm lót móng đá dăm 2x4;

++ Kết cấu hồ ga thăm bằng Bê tông cốt thép M250 trên móng BTXM M100 dày 10cm, nắp ga bằng tấm composite với tải trọng 12,5 tấn cho kết cấu trên vỉa hè và tải trọng 40 tấn cho kết cấu dưới lòng đường.

Bảng thống kê thoát nước mưa

Stt	Lý trình	Khẩu độ cống (m)	Độ dốc nhỏ nhất (%)	Chiều dài cống L(m)	Ghi chú
<b>I. Cống trên vỉa hè</b>					
1	Km0+19,9-Km0+259,18	D1,0	0,13	227,53	Phải tuyến
2	Km0+290,49-Km0+328,11	D1,0	1,35	35,0	Phải tuyến
3	Km0+328,11 - Km0+680	D1,5	0,07	352,45	Phải tuyến
4	Km1+040,83 - Km1+276,31	D1,5	0,08	225,03	Phải tuyến
5	Km1+306,68 – Km1+500,82	D1,0	0,1	185,0	Phải tuyến
6	Km1+522,22 - Km2+002,83	D1,0	0,1	456,05	Phải tuyến
7	Km2+038,82 - Km2+427,16	D1,0	0,1	370,07	Phải tuyến

Stt	Lý trình	Khẩu độ cống (m)	Độ dốc nhỏ nhất (%)	Chiều dài cống L(m)	Ghi chú
8	Km2+427,16 - Km2+822,01	1,0x1,0	0,1	381,9	Phải tuyến
9	Km0+301,84 – Km0+435,9	D1,5	0,07	134,05	Trái tuyến
10	Km0+462,21 - Km1+259,77	D1,5	0,07	779,37	Trái tuyến
11	Km1+520,95 - Km1+970,15	D1,5	0,13	432,63	Trái tuyến
12	Km2+001,83 - Km2+363,21	D1,5	0,08	356,49	Trái tuyến
13	Km2+388,23 - Km2+506,72	D1,5	0,08	115,12	Trái tuyến
14	Km2+538,00 - Km2+810,21	[1,0x1,0]	0,08	262,27	Trái tuyến
<b>II .Cống dưới lòng đường</b>					
1	Km0+259,18-Km0+290,49	D1,0	0,13	30,0	Phải tuyến
2	Km1+500,82 - Km1+522,22	D1,0	0,1	20,02	Phải tuyến
3	Km2+822,01 - Km2+834,3	[1,0x1,0]	0,1	11,11	Phải tuyến
4	Km1+970,15 - Km2+001,83	D1,5	0,13	31,68	Trái tuyến
5	Km0+435,9 – Km0+462,21	D1,5	0,07	26,31	Trái tuyến
6	Km1+970,15 – Km2+001,83	D1,5	0,13	27,49	Trái tuyến
7	Km2+363,21 - Km2+388,23	D1,5	0,08	24,0	Trái tuyến
8	Km2+506,72 - Km2+538,00	[1,0x1,0]	0,08	30,08	Trái tuyến
9	Km2+810,21 - Km2+822,99	[1,0x1,0]	0,08	10,88	Trái tuyến

+ Thoát nước thải: Xây dựng hệ thống thoát nước thải bên trái tuyến đoạn từ Km2+466,8 đến Km2+740 với chiều dài L=364,2m bằng cống tròn ly tâm BTCT

D300 thu gom nước thải dân cư dọc tuyến đường và các khu vực lân cận sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước thải theo quy hoạch phân khu 1/2000 khu E2 (trước mắt đầu tạm vào hồ ga cuối tuyến hệ thống thoát nước mưa). Kết cấu cống tròn BTCT D300 tải trọng B (cống nằm trên vỉa hè) và D300 tải trọng C (Cống nằm dưới lòng đường) đặt trên đế cống BTCT đúc sẵn. Hồ ga thăm kích thước  $a \times b = (1,0 \times 1,0)m$ ; kết cấu tường xây gạch không nung VXM mác 75, trát VXM mác 75; đáy móng BTXM M100, đệm lót móng đá dăm 2x4; nắp đậy tấm đan BTCT mác 250 kết hợp nắp ga composite tải trọng 12,5 tấn.

- Thoát nước công trình thủy lợi: Giải pháp tuân thủ bước báo cáo nghiên cứu khả thi và biên bản thỏa thuận thống nhất các chỉ tiêu thiết kế công trình thủy lợi với Chi cục Thủy lợi Hưng Yên, Công ty TNHH MTV KCCT thủy lợi, Xí nghiệp KCCT thủy lợi Châu Giang và Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Trụ (xã Long Hưng cũ), xã Phụng Công (xã Cửu Cao cũ). Giải pháp thiết kế cụ thể như sau:

+ Tải trọng thiết kế: HL93

+ Cống tròn: Sử dụng cống BTCT đúc sẵn đặt trên đế cống BTCT đúc sẵn và lớp đá dăm đệm 2x4, gia cố móng cọc tre, mật độ 25 cọc/m<sup>2</sup>,

+ Cống vuông (0,4x0,4m, 0,4x0,6m, 1,0x1,0m, 1,5x1,5m, 2x2m, 2[1,5x1,5]m, 3,0x3,0m): Sử dụng cống BTCT đúc sẵn M300 đặt trên lớp BTXM đổ tại chỗ M150 và lớp đá dăm đệm 2x4, gia cố móng cọc tre, mật độ 25 cọc/m<sup>2</sup>,

+ Cống hộp 2x[2,5x2,0]m: Sử dụng cống BTCT đổ tại chỗ M300 đặt trên lớp BTXM đổ tại chỗ M150 và lớp đá dăm đệm 2x4, gia cố móng cọc tre, mật độ 25 cọc/m<sup>2</sup>,

+ Cống hộp 3[3,0x3,0]m, 4x1,5m: Sử dụng cống hộp BTCT đổ tại chỗ M350 đặt trên lớp BTXM đổ tại chỗ M150, móng cống gia cố móng cọc tre, mật độ 25 cọc/m<sup>2</sup> (đối với cống 4x1,5m) và cọc BTCT M350 tiết diện (30x30)cm, chiều dài cọc dự kiến 29m (đối với cống 3[3,0x3,0]m), Chiều dài cọc ép chỉ là dự kiến, chiều dài chính thức sẽ được xác định trong quá trình thi công ép cọc thử tại hiện trường.

+ Kết cấu kênh hoàn trả là kênh đất theo hiện trạng, tại các vị trí đầu nối với thượng, hạ lưu cống và sông Ngưu Giang được gia cố bằng đá hộc xây vữa M100 dày 25cm trên đá dăm đệm dày 10cm.

Bảng thống kê thoát nước công trình thủy lợi

TT	Lý trình	Khẩu độ cống	Cao độ (m)	Ghi chú
I. Cống ngang				

TT	Lý trình	Khẩu độ công	Cao độ (m)	Ghi chú
1.1	Km0+20	3,0x3,0	+3,99	Công hóa đoạn cửa lấy nước công A, A1 kênh Tây
1.2	Km0+20	0,4x0,6	+4,30	Nội dài công A1
1.3	Km0+20	1,0x1,0	+4,30	Nội dài công A
1.4	Km0+247	2[1,5x1,5]	+2,65	Nội dài công luôn dưới kênh Tây trạm bơm K <sub>0+421</sub>
1.5	Km0+315	2[2,5x2,0]	+1,80	Công mới luôn dưới kênh Tây tại K <sub>9+648</sub>
1.6	Km0+344	2x2	+4,30	Công mới xả tiêu trên bờ Tả kênh Tây tại K <sub>0+344</sub>
1.7	Km0+360	4x1,5	+4,27	Công mới, điều tiết nằm trên kênh Tây K <sub>0+360</sub>
1.8	Km0+685	0,4x0,4	+4,80	Nội dài công đầu kênh CT <sub>1</sub> trên bờ tả kênh Tây K <sub>0+685</sub>
1.9	Km0+730	0,4x0,4	+4,80	Công đầu kênh A3 trên bờ hữu kênh Tây tại K <sub>0+730</sub>
1.10	Km1+500	D1,0	+4,80	Công đầu kênh VC cầu Lại Ốc, bờ hữu kênh Tây K <sub>1+500</sub>
1.11	Km1+510	0,4x0,4	+4,80	Nội dài công đầu kênh VC cầu Lại Ốc, bờ Tả kênh Tây tại K <sub>1+510</sub>
1.12	Km1+945	D1,0	+4,80	Công mới đầu kênh T <sub>1C</sub> bờ Tả kênh Tây tại K <sub>1+945</sub>
1.13	Km1+960- Km2+055	3[3x3]	+3,80	Công dọc trên kênh Tây K <sub>1+960</sub> -:-K <sub>2+053</sub>
1.14	Km2+288	1,5x1,5	+3,80	Công trên kênh tiêu nhánh KT3-5
1.15	Km2+440	2,0x2,0	+3,30	Công trên kênh tiêu nhánh KT3-5
1.16	Km2+524,87	2,0x2,0	+3,30	Công trên kênh tiêu nhánh KT3-5
1.17	Km2+700	1,0x1,0	+4,00	Công trên kênh tiêu nhánh KT3-5
<b>II. Công dọc tuyến</b>				
2.1	Km0+315 (trái)	3,5x2,5	+3,00	Hạ lưu kênh tiêu nhánh sông Ngưu Giang

TT	Lý trình	Khẩu độ công	Cao độ (m)	Ghi chú
2.2	Km0+315 (phải)	3,5x2,5	+2,77	Đầu kênh tiêu KT <sub>2</sub> tại K <sub>0</sub>
2.3	Km0+690 (trái)	2,0x2,0	+2,70	Cống luôn dưới kênh CT1 tại K <sub>0+10</sub>
2.4	Km1+260- Km1+300 (trái + phải)	3x3	+3,30	Nối dài cống hiện trạng trên đường Tô Quyền
2.5	Km1+500- Km1+520 (phải)	1x1	+3,50	Nối dài cống hiện trạng trên đường ĐH24
2.6	Km0+445- Km0+453 (trái)	2[2,0x2,0]	+3,0	Cắt ngang đường đất, nối kênh tiêu hoàn trả
<b>III. Kênh dọc tuyến</b>				
3.1	Km0+315- Km1+220 (phải tuyến)	Mương đất B=3,0m	+3,00	Hoàn trả kênh tiêu KT2 từ K <sub>0</sub> - :-K <sub>0+930</sub>
3.2	Km1+220- Km1+500(phải tuyến)	Mương đất B=2,0m	+3,0	Hoàn trả kênh tiêu nhánh KT <sub>2</sub> từ K <sub>0</sub> -:-K <sub>0+280</sub>
3.3	Km0+315- Km1+380 (trái tuyến)	Mương đất B=2,0m	+3,00	Hoàn trả kênh tiêu nhánh sông Nguu Giang K <sub>0+155</sub>
3.4	Km1+700- Km1+990 (trái tuyến)	Mương đất B=2,0m	+3,00	Hoàn trả kênh tiêu nhánh KT <sub>1</sub> từ K <sub>0</sub> -:-K <sub>0+290</sub>

1.2.2.11 Hệ thống điện chiếu sáng: Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng trên dải phân cách giữa, khoảng cách trung bình 33m/cột.

- Chiếu sáng dọc tuyến: Hệ thống chiếu sáng xây dựng mới thiết kế đi ngầm bố trí 2 bên vỉa hè tuyến đường, sử dụng cột đèn tròn côn mạ kẽm nhúng nóng cao h=11m (trụ cao 9m + cần đèn đơn cao 2m vươn cần 1,5m) lắp 1 đèn LED 150W. Khoảng cách trung bình giữa 2 trụ là 33m. Chiếu sáng nút giao: Tại nút giao km2+380 và nút giao km2+827 bố trí hệ thống chiếu sáng xây dựng mới thiết kế đi ngầm bố trí trên vỉa hè, sử dụng trụ thép bát giác mạ kẽm nhúng nóng h=14m lắp lọng bán nguyệt, trên lọng lắp các đèn pha LED 200W. Tuyến đường dây chiếu sáng gồm 04 tủ điện điều khiển chiếu sáng xây dựng mới, đầu nối nguồn từ đường dây hạ thế có sẵn. Cấp điện cấp nguồn cho tủ điện chiếu sáng sử dụng cáp CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC (3x25+1x16)- 0,6/1kV, được luôn trong ống ống nhựa xoắn D105/80.

Tuyến chiếu sáng giao thông được thiết kế đi ngầm, sử dụng cáp, CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC(3x16+1x10)-0,6/1kV, CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC (3x10+1x6)-0,6/1kV được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE Ø65/50 để bảo vệ và được chôn dọc theo vỉa hè tuyến đường. Các tuyến đường dây chiếu sáng đi bằng đường, cáp ngầm chiếu sáng được luồn trong ống thép mạ kẽm nhúng nóng DN88,3mm<sup>2</sup>.

- Cáp lên đèn dùng dây CU/PVC/PVC (3x1,5)-300/500V. Trong đó, 2 dây cáp nguồn cho đèn LED (1+n) và 01 dây đấu nối vào chân E trên đèn Led. Các cột thép đều được lắp trên móng bê tông M200 đá 1x2 được chôn trực tiếp trên nền đất. Cột thép có mặt bích để phù hợp với khung bulông móng, thuận tiện cho việc vận chuyển, lắp dựng, thay thế khi cần thiết.

1.2.2.12. Cây xanh: Trồng cây chuối ngọc và cỏ lá tre trên dải phân cách giữa.

1.2.2.13. Hệ thống an toàn giao thông: Hệ thống báo hiệu đường bộ bao gồm biển báo, vạch sơn kẻ đường theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024. Cụ thể như sau:

- Sơn kẻ đường: sử dụng loại sơn dẻo nhiệt phản quang dày 2mm.

- Biển báo: Các biển báo bằng tôn mạ kẽm dày 2mm dán màng phản quang loại IV. Cột biển báo: bằng ống thép D89cm dày 2mm được sơn trắng đỏ xen kẽ với chiều cao mỗi đốt là 25cm. Móng trụ biển báo có tiết diện 50x50cm, sâu 80cm làm bằng bê tông xi măng đổ tại chỗ M150. Vị trí biển báo cách mép mặt đường đến mép ngoài biển báo là 50cm.

- Bố trí hộ lan mềm hai tầng tại đoạn kênh gần bể xả trạm bơm nút giao đầu tuyến.

- Bố trí hệ thống đèn tín hiệu nháy vàng trụ cao 6m, vươn 4m sử dụng tấm pin năng lượng mặt trời tại nút giao với đường ĐH.23, nút giao đường Đỗ Tông và nút giao ĐH.26, đồng thời bố trí hệ thống ống cáp chờ để bố trí đèn tín hiệu.

### **1.3. Mô tả khái quát về gói thầu:**

- Các căn cứ pháp lý thực hiện gói thầu:

+ Căn cứ Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Dự án Đường dọc máng kênh Tây từ trạm bơm Văn Giang đến ĐH.26;

+ Căn cứ Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đường dọc máng kênh Tây từ trạm bơm Văn Giang đến ĐH.26;

+ Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc điều chuyển nhiệm vụ chủ đầu tư các công trình, dự án đầu tư công trên

địa bàn huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên (đơn vị hành chính trước ngày 01/7/2025) khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp;

+ Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền đối với các dự án đầu tư công do Hội đồng nhân dân, UBND cấp huyện (đơn vị hành chính trước ngày 01/7/2025) quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư;

+ Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của UBND xã Nghĩa Trụ về việc giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư và tổ chức quản lý một số dự án;

+ Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-BQLDA ngày 05/11/2025 của Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Nghĩa Trụ về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Đường dọc máng kênh Tây từ trạm bơm Văn Giang đến ĐH.26;

+ Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-BQLDA ngày 05/12/2025 của Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Nghĩa Trụ về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đường dọc máng kênh Tây từ trạm bơm Văn Giang đến ĐH.26;

- Tên gói thầu: Gói thầu số 04: Tư vấn giám sát thi công xây dựng
- Giá gói thầu theo KHLCT điều chỉnh: 2.730.494.000 đồng (theo Quyết định số 34/QĐ-BQLDA về việc điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án)
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 330 ngày.
- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh 182.000 triệu đồng; ngân sách huyện Văn Giang đầu tư phần còn lại.

## **2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu.**

Lựa chọn đơn vị tư vấn đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện công việc giám sát công tác xây dựng công trình Đường dọc máng kênh Tây từ trạm bơm Văn Giang đến ĐH.26 theo đúng trình tự, quy định của Pháp Luật.

Nhà thầu tư vấn được lựa chọn phải đảm bảo thực hiện đúng tiến độ thực hiện của gói thầu, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu các quy trình, quy phạm hiện hành của Nhà nước.

## **II. Phạm vi công việc:**

## **1. Phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án, thời gian, tiến độ thực hiện:**

- Phạm vi công việc đối với nhà thầu bao gồm các công việc: Giám sát tất cả các công tác xây dựng công trình Đường dọc máng kênh Tây từ trạm bơm Văn Giang đến ĐH.26 theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành và theo quy mô dự án, gói thầu đã được phê duyệt.

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh 182.000 triệu đồng; ngân sách huyện Văn Giang đầu tư phần còn lại.

- Chủ đầu tư dự án: Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Nghĩa Trụ.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 330 ngày (Kể từ ngày công trình khởi công xây dựng công trình đến khi bàn giao đưa vào sử dụng).

- Tiến độ thực hiện: Theo tiến độ dự án kể từ ngày công trình khởi công xây dựng công trình đến khi bàn giao đưa vào sử dụng.

## **2. Nhiệm vụ và yêu cầu cụ thể:**

### **2.1. Nhiệm vụ:**

Nhà thầu trúng thầu có nhiệm vụ giám sát thi công xây dựng công trình được thực hiện theo các quy định trong các văn bản pháp luật Việt Nam, nhưng không giới hạn các văn bản sau: Luật Xây dựng; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15; Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng bao gồm các nội dung sau:

- Lập đề cương giám sát gửi chủ đầu tư. Cử cán bộ có đủ năng lực, kinh nghiệm theo quy định, có mặt thường xuyên liên tục tại hiện trường trong suốt thời gian nhà thầu thi công xây dựng công trình. Phân công nhiệm vụ, kế hoạch triển khai công việc để đáp ứng các quy định về quản lý chất lượng công trình.

- Thông báo cho các bên danh sách cán bộ giám sát tại hiện trường, kèm theo bản sao chụp Quyết định phân công hoặc thành lập đoàn tư vấn giám sát.

- Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Kiểm tra sự phù hợp năng lực của Nhà thầu thi công xây dựng công trình với Hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm:

+ Kiểm tra về nhân lực, thiết bị thi công của Nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào công trường;

+ Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng của Nhà thầu thi công xây dựng công trình;

+ Kiểm tra giấy phép sử dụng các máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu an toàn phục vụ thi công xây dựng công trình;

+ Kiểm tra phòng thí nghiệm và các cơ sở sản xuất vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng phục vụ thi công xây dựng của Nhà thầu thi công xây dựng công trình.

- Kiểm tra và giám sát chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình do Nhà thầu thi công xây dựng công trình cung cấp theo yêu cầu của thiết kế, bao gồm: Kiểm tra giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất, kết quả thí nghiệm của các phòng thí nghiệm hợp chuẩn và kết quả kiểm định chất lượng thiết bị của các tổ chức được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận đối với vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình trước khi đưa vào xây dựng công trình.

- Kiểm tra và giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình, bao gồm:

+ Kiểm tra biện pháp thi công của Nhà thầu thi công xây dựng công trình;

+ Kiểm tra và giám sát thường xuyên có hệ thống quá trình nhà thầu thi công xây dựng công trình, triển khai các công việc tại hiện trường. Kết quả kiểm tra đều phải ghi nhật ký hoặc biên bản kiểm tra theo quy định;

+ Xác nhận khối lượng, chất lượng và bản vẽ hoàn công; hồ sơ quản lý chất lượng, hồ sơ thanh toán, quyết toán khối lượng gói thầu.

+ Tập hợp, kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu công việc xây dựng, bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng, nghiệm thu thiết bị, nghiệm thu hoàn thành từng hạng mục công trình xây dựng và hoàn thành công trình xây dựng.

+ Phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế để đề nghị Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thiết kế điều chỉnh.

+ Tổ chức kiểm định lại chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng.

+ Kiểm tra, giám sát công tác an toàn lao động, bảo vệ môi trường của các nhà thầu trong quá trình triển khai thi công.

+ Thực hiện công tác tư vấn kết hợp với Chủ đầu tư làm việc với các cơ quan môn về xây dựng và các cơ quan có liên quan đến công tác giám sát, quản lý chất lượng công trình để giải trình, làm rõ các nội dung về chất lượng công trình xây dựng theo đúng các quy định hiện hành.

## **2.2. Yêu cầu cụ thể:**

- Phối hợp với các Bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong thi công xây dựng công trình.

- Trung thực, khách quan, không vụ lợi.

- Đảm bảo giám sát thi công xây dựng đồ án thiết kế, đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng, bảo đảm công trình đạt chất lượng cao, khối lượng đầy đủ và chính xác, đúng tiến độ được duyệt; đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

### **2.3. Các loại công việc:**

- Loại công việc dựa trên đơn giá và khối lượng: Giám sát công tác xây dựng công trình.

- Loại công việc tính theo lương chuyên gia: Có.

**3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV:** Ngay khi hợp đồng có hiệu lực.

### **III. Báo cáo và thời gian thực hiện:**

1. Thực hiện công việc ngay sau khi hợp đồng ký kết.

2. Các báo cáo phải nộp và tiến độ nộp báo cáo tùy theo loại báo cáo, công việc cụ thể và phạm vi công việc mà hình thức và nội dung báo cáo, thời gian nộp báo được quy định chi tiết khi thương thảo hợp đồng; các loại báo cáo gồm.

<b>STT</b>	<b>Báo cáo</b>	<b>Thời gian nộp</b>
1	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	05 ngày sau khi ký hợp đồng
2	Báo cáo giám sát nhà thầu thi công về chuẩn bị mặt bằng và nguyên vật liệu, máy móc thi công xây dựng.	10 ngày sau khi nhà thầu thi công khởi công thi công xây dựng công trình
3	Báo cáo hàng tháng	Nộp vào ngày 30 hàng tháng cho đến khi nhà thầu thi công thi công xong các hạng mục của công trình
4	Báo cáo quý	Nộp vào ngày mùng 10 của tháng đầu quý tiếp theo
5	Báo cáo hoàn thành công tác giám sát	Sau khi nhà thầu hoàn tất công tác giám sát 05 ngày
6	Báo cáo đột xuất nếu chủ đầu tư yêu cầu	Theo đề nghị của chủ đầu tư

### **IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:**

Nhà thầu phải đáp ứng các yêu cầu nêu tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; nhân sự bố trí cho các gói thầu phải đảm bảo các yêu cầu đã nêu tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT, trường hợp bắt buộc thay thế nhân sự thì nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc hơn nhân sự bị thay thế và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

Các nhân sự chủ chốt được đề xuất tham gia gói thầu phải được kê khai Lý lịch chuyên gia theo Mẫu số 07 - Biểu mẫu dự thầu (trong E-HSMT).

#### **V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:**

- Cung cấp đầy đủ, chính xác và nhanh chóng cho nhà thầu trúng thầu các thông tin như: thông tin về pháp nhân và các thông tin dữ liệu có sẵn để nhà thầu trúng thầu thực hiện hợp đồng, đồng thời chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác về các thông tin đó;

- Tạo điều kiện làm việc tốt cho nhà thầu trúng thầu;

- Tiến hành giám sát, đánh giá việc triển khai của nhà thầu trúng thầu;

- Chủ đầu tư là người quyết định cuối cùng về tất cả các vấn đề liên quan đến dự án;

- Quan hệ chính thức với tất cả các nhà thầu khác có liên quan đến dự án bằng hợp đồng hoặc thoả thuận riêng trong khuôn khổ luật pháp cho phép;

- Đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng với Tư vấn giám sát theo quy định trong hợp đồng tư vấn giám sát và theo pháp luật;

- Thông báo cho các bên liên quan về quyền và nghĩa vụ của Tư vấn giám sát;

- Xử lý kịp thời những đề xuất của Tư vấn giám sát;

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã thoả thuận trong hợp đồng ký kết với Tư vấn giám sát;

- Không được thông đồng hoặc dùng ảnh hưởng của mình để áp đặt làm sai lệch kết quả giám sát;

- Lưu trữ kết quả giám sát thi công xây dựng công trình.